TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2021/DS-ST
Ngày 15-11-2021
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Châu Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tạ Kim T, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị V (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đỗ Minh N, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2021, nguyên đơn bà Tạ Kim T trình bày:

Bà Lê Thị V có tham gia 02 dây hụi do bà làm chủ cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất mở ngày 02/6/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 22 phần, bà V tham gia 01 phần, đã kêu hốt vào kỳ khui hụi lần thứ tư (ngày 02/9/2019 âm lịch).

- Dây hụi thứ hai mở ngày 02/6/2019 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 22 phần, bà V tham gia 01 phần, đã kêu hốt vào kỳ khui hụi lần thứ hai (ngày 02/7/2019 âm lịch).

Sau khi hốt hai phần hụi, bà V đóng lại hụi chết đến tháng 12/2019 âm lịch, sau đó không đóng nữa mà bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 29/5/2020, bà có khởi

kiện yêu cầu bà V trả lại số tiền hụi chưa đóng từ tháng 01 đến tháng 4 sau năm 2020 âm lịch (do nhuận hai tháng 4) là 05 kỳ tương ứng với các kỳ khui hụi từ lần thứ 8 đến 12 của hai dây hụi. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà V trả cho bà số tiền hụi chết mà bà với tư cách là chủ hụi đã đóng thay cho bà V từ tháng 01 đến tháng 4 sau năm 2020 âm lịch (do nhuận hai tháng 4) là 25.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà V tiếp tục trả số tiền hụi chết chưa đóng từ tháng 5/2020 âm lịch đến khi mãn hai dây hụi tháng 02/2021 âm lịch là 10 kỳ, cụ thể dây hụi loại 2.000.000 đồng là 20.000.000 đồng, dây hụi loại 3.000.000 đồng là 30.000.000 đồng, tổng số tiền bà yêu cầu là 50.000.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh N xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng bà Lê Thị V không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tạ Kim T, ông Đỗ Minh N có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lê Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Kim T thấy rằng:

Bà Lê Thị V tham gia hai dây hụi do bà Tạ Kim T làm chủ, một dây loại 2.000.000 đồng và một dây loại 3.000.000 đồng cùng mở ngày 02/6/2019 âm lịch, mỗi tháng khui 01 kỳ, tổng số 22 phần. Bà V tham gia mỗi dây một phần, đều đã hốt xong, sau đó đóng lại hụi chết đến tháng 12/2019 âm lịch. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà V trả cho bà T số tiền hụi chết từ tháng 01 đến tháng 4 sau năm 2020 âm lịch (do nhuận hai tháng 4) là 25.000.000 đồng. Trong vụ án này bà T yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các kỳ khui hụi còn lại cho đến khi kết thúc hai dây hụi là 10 kỳ với tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

Xét thấy việc bà T tổ chức hụi có lập thành văn bản có tên là "Hợp đồng chơi hụi" thể hiện rõ các thành viên và phương thức tham gia, phù hợp với quy định pháp luật nên các bên tham gia có quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường quy định thành viên tham gia hụi có nghĩa vụ phải đóng đủ các phần theo thỏa thuận.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với bà V nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà V đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên tham gia hụi nên phải có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền tương ứng với các phần hụi mà bà T đã đóng thay cho bà V từ tháng 5/2020 âm lịch đến khi mãn hai dây hụi tháng 02/2021 âm lịch là 10 kỳ, cụ thể dây hụi loại 2.000.000 đồng là 20.000.000 đồng, dây hụi loại 3.000.000 đồng là 30.000.000 đồng, tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận cụ thể: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Kim T. Buộc bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Kim T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Bà Lê Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng (chưa nộp). Bà Tạ Kim T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0006273 ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà T, bà V, ông N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý